



Chúc các bạn thành công!

\*\*\*\$\$\$\*\*\*

### Câu Hỏi IQ và trắc nghiệm thi vào ngân hàng

1. Việc thay đổi thời gian khấu hao khi thẩm định tài chính của dự án sẽ làm:
  - a. Dòng tiền của dự án tăng
  - b. Dòng tiền của dự án giảm
  - c. Dòng tiền của dự án không thay đổi
  - d. Dòng tiền của dự án giảm nếu lãi
  
2. Dòng tiền của dự án đứng trên danh nghĩa đầu tư (hay quan điểm của ngân hàng) được định nghĩa:
  - a. Khấu hao và lợi nhuận
  - b. Khấu hao và lợi nhuận sau thuế
  - c. Tổng dòng thu bằng tiền trừ đi tổng dòng chi bằng tiền nhưng bao gồm trả nợ gốc và lãi ngân hàng
  - d. Tổng dòng thu bằng tiền trừ đi tổng dòng chi bằng tiền
  
3. Ngân hàng sẽ xem xét cho vay dự án khi:
  - a. Dự án có tỉ suất sinh lời cao
  - b. Dự án có NPV dương
  - c. Dự án có khả năng trả nợ ngân hàng và IR của chủ đầu tư cao hơn lãi suất cho vay
  - d. Dự án có khả năng trả nợ ngân hàng và IR của dự án cao hơn tỉ suất sinh lời chung của ngành
  
4. Tỷ lệ chiết khấu là:

- a. Tỷ lệ chiết khấu dòng tiền các năm về hiện tại mà tại đó  $NPV = 0$
- b. Lãi suất mong đợi của nhà đầu tư bao gồm cả tỷ lệ lạm phát
- c. Lãi suất cho vay
- d. Chi phí sử dụng vốn bình quân của dự án
- e. Lãi suất mong đợi của nhà đầu tư đã bao gồm hoặc không bao gồm tỷ lệ lạm phát.

5. Hình thức đầu tư nào dưới đây sẽ ít chịu rủi ro lãi suất nhất

- a. Trái phiếu trả lãi một lần khi trả gốc
- b. Trái phiếu kho bạc dài hạn
- c. Cổ phần ưu đãi
- d. Trái phiếu dài hạn của công ty
- e. Kỳ phiếu kho bạc ngắn hạn

6. Trong điều kiện đồng tiền của một quốc gia được tự do chuyển đổi khi tỷ giá hối đoái được thả nổi thì trong dài hạn tỷ giá của đồng bản tệ so với đồng ngoại tệ sẽ tăng nếu

- a. Ngân hàng trung ương bán đồng ngoại tệ ra nước ngoài nhiều hơn
- b. Luồng vốn ra nước ngoài tăng lên
- c. Tỷ lệ lạm phát giảm tương đối so với lạm phát của các quốc gia khác
- d. Sản lượng toàn cầu giảm

7. Lãi suất thực thường nhỏ hơn lãi suất danh nghĩa vì:

- a. Lạm phát
- b. Thâm hụt cán cân vãng lai
- c. Việc thanh toán cổ tức
- d. Khấu hao

8. Bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp là:

- a. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong một kỳ báo cáo, thông thường là tháng, quý, năm
- b. Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp trong một kỳ báo cáo, thông thường là tháng, quý, năm.
- c. Một loại báo cáo kế toán phản ánh vốn, tài sản và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.
- d. Không có câu trả lời nào ở trên là đúng

9. Vốn vay ngắn hạn của ngân hàng dùng để:

- a. Bổ sung vốn lưu động

- b. Bổ sung vốn cố định
- c. Mua cổ phiếu góp vốn liên doanh
- d. Kinh doanh bất động sản

10. Nguồn vốn dùng để trả nợ trung và dài hạn cho ngân hàng là:

- a. Vốn vay ngân hàng khác
- b. Khấu hao tài sản cố định và lợi nhuận
- c. Doanh thu bán hàng.

11. Để có vốn đầu tư vào dự án mà ngân hàng đã cam kết, ngân hàng sẽ thực hiện biện pháp huy động vốn nào?

- a. Huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn
- b. Phát hành kỳ phiếu
- c. Phát hành trái phiếu
- d. Vay vốn trên thị trường liên ngân hàng

12. Để hạn chế rủi ro tín dụng ngân hàng thực hiện biện pháp nào

- a. Đồng tài trợ
- b. Bán nợ
- c. Cơ cấu lại nợ
- d. Hạn chế cho vay

13. Thời hạn cho vay

- a. Là khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận tiền vay cho đến thời điểm khách hàng hoàn trả hết nợ gốc và lãi vay đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng
- b. Là khoảng thời gian được tính từ khi hợp đồng tín dụng có hiệu lực cho đến thời điểm khách hàng trả hết tiền gốc và lãi vay đã được thoả thuận trong hợp đồng tín dụng
- c. Là khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu trả nợ cho đến thời điểm hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đã được thoả thuận trong hợp đồng tín dụng được ký giữa ngân hàng và khách hàng bao gồm cả thời gian gia hạn nợ

14. Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ của một hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn trong trường hợp nào sau đây:

- a. Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc (một phần hoặc toàn bộ) mà khách hàng không trả đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc không được gia hạn
- b. Khi đến kỳ hạn trả nợ lãi mà khách hàng không trả lãi đúng hạn và không điều chỉnh kỳ hạn nợ lãi hoặc không được gia hạn nợ lãi.

- c. Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi (kỳ hạn trả nợ lãi cùng với kỳ hạn trả nợ gốc) mà khách hàng không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ hoặc khách hàng không được gia hạn nợ gốc và lãi
- d. Tất cả các câu trên

15. Tài sản dùng để bảo đảm tiền vay phải đáp ứng điều kiện nào dưới đây

- a. Tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc thuộc quyền sử dụng, quản lý hợp pháp của khách hàng vay hoặc của bên bảo lãnh
- b. Tài sản được phép giao dịch tức là tài sản mà pháp luật cho phép không cấm mua, bán, tặng cho, chuyển nhượng, chuyển đổi, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh và các giao dịch khác
- c. Tài sản không có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng, quản lý của khách hàng vay hoặc bên bảo lãnh tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm
- d. Tài sản mà pháp luật quy định phải mua bảo hiểm thì khách hàng vay, bên bảo lãnh phải mua bảo hiểm tài sản trong thời hạn bảo đảm tiền vay và phải cam kết chuyển quyền hưởng tiền bồi thường từ tổ chức bảo hiểm cho ngân hàng
- e. Tất cả các điều kiện nêu trên

16. Ngân hàng và khách hàng thoả thuận giá trị tài sản (thế chấp, cầm cố, bảo lãnh) và thời điểm nào?

- a. Khi ký kết hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh
- b. Khi khách hàng xin vay vốn
- c. Khi ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm

17. Vận đơn đường biển là:

- a. Hợp đồng chuyên chở hàng hoá
- b. Chứng từ chứng nhận quyền sở hữu về hàng hoá
- c. Chứng từ có thể chuyển nhượng được
- d. Tất cả các câu trên

18. Trong điều kiện giao hàng nào dưới đây, trách nhiệm mua bảo hiểm cho hàng hoá thuộc về bên bán?

- a. FOB
- b. CIF
- c. CFR
- d. C&F

19. Trong các chứng từ về vận tải sau, loại chứng từ vận tải nào không chuyển nhượng được?

- a. Hợp đồng thuê tàu chuyển
- b. Hợp đồng thuê tàu chợ
- c. Vận đơn hàng không
- d. Cả ba trường hợp trên

20. Khi một trong hai bên mua và bán không tin tưởng vào khả năng thực hiện hợp đồng thì hình thức nào dưới đây có thể đảm bảo khả năng thực hiện hợp đồng?

- a. Bảo lãnh ngân hàng
- b. Thư tín dụng dự phòng
- c. Thư tín dụng
- d. Chỉ có a hoặc b
- e. cả a và b

21. Khi nhà nước Việt Nam thực hiện chính sách phá giá đồng nội tệ thì điều gì sẽ xảy ra?

- a. Xuất khẩu tăng
- b. Nhập khẩu tăng
- c. Nhập khẩu giảm
- d. Xuất khẩu giảm

22. Trong điều kiện giao hàng nào dưới đây, rủi ro về hàng hoá thuộc về người mua khi hàng đã được giao qua lan can tàu?

- a. FOB
- b. CIF
- c. CFR
- d. cả a, b và c
- e. Không có trường hợp nào

23. Trong cho vay, khách hàng và ngân hàng có thể thoả thuận trong hợp đồng tín dụng về thời gian ân hạn. Đó là:

- a. Thời gian có thể rút vốn vay
- b. Thời gian nhất định trong thời hạn vay mà khách hàng chưa phải trả nợ gốc mà chỉ phải trả nợ lãi
- c. Thời gian nhất định trong thời hạn vay mà khách hàng chưa phải trả nợ gốc và lãi
- d. Không có câu nào đúng

24. Trong các loại tài sản đảm bảo dưới đây, loại nào tốt nhất đối với ngân hàng

- a. Đất có giấy tờ hợp pháp tại khu du lịch
- b. Nhà tại trung tâm thương mại của thành phố
- c. Bảo lãnh của bên thứ ba bất kỳ, kể cả của ngân hàng
- d. Số tiết kiệm do chính ngân hàng cho vay phát hành

25. Bạn hãy chọn nhân tố quan trọng để quyết định cho vay?

- a. Tính khả thi và hiệu quả của khoản vay
- b. Doanh nghiệp có khả năng vay vốn ngân hàng khác
- c. Doanh nghiệp đầu tư sản xuất mặt hàng mới
- d. Tình hình tài chính lành mạnh
- e. a, b và c
- f. a và d

26. Trong các chỉ tiêu dưới đây, chỉ tiêu nào đánh giá khả năng tự tài trợ của doanh nghiệp

- a. Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản có
- b. Doanh thu ròng /Tổng tài sản có
- c. Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản có
- d. Lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu

27. Theo quy định của pháp luật, tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá

- a. 15% vốn tự có của tổ chức vay vốn
- b. 15% vốn tự có của của tổ chức tín dụng cho vay
- c. 15% vốn kinh doanh của tổ chức tín dụng cho vay
- d. 15% lợi nhuận hàng năm của tổ chức tín dụng cho vay.

28. Khi sử dụng phương pháp đánh giá dự án bằng giá trị hiện tại thuần (Net Present Value), quyết định chấp nhận dự án nếu:

- a. NPV bằng đầu tư ban đầu
- b. NPV có thể  $< 0$  nhưng IRR (Internal Rate of Return) tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng
- c.  $NPV > 0$
- d. Tất cả đều sai

29. Lợi ích của việc đa dạng hoá đầu tư là

- a. Giảm độ rủi ro của tập hợp các tài sản đầu tư
- b. Tăng tỷ suất lợi nhuận dự kiến trên mỗi tài sản
- c. Giảm độ rủi ro của mỗi tài sản
- d. Tăng tỷ suất lợi nhuận của tập hợp các tài sản
- e. Tất cả đều sai
- f. Tất cả đều đúng

30. Vai trò của ngân hàng phát hành

- a. Thông báo L/C
- b. Kiểm tra hàng hoá
- c. Mở và thanh toán L/C
- d. Kiểm tra chứng từ
- e. a và c
- f. c và d
- g. a và d

31. Tài khoản tài sản nợ là các tài khoản phản ánh

- a. Nguồn vốn của ngân hàng
- b. Tài sản của ngân hàng
- c. Cả 2 phương án trên
- d. Không có câu nào đúng

32. Khách hàng A dùng sổ tiết kiệm 1000USD mở tại ngân hàng để thế chấp khoản vay và được ngân hàng chấp nhận. Kế toán theo dõi sổ tiết kiệm trên vào:

- a. Tài khoản nội bảng
- b. Tài khoản ngoại bảng
- c. Không có câu nào đúng

33. Ông A đến ngân hàng mua kỳ phiếu với số tiền là 260 triệu đồng, ông A y/c trích tài khoản tiền gửi thanh toán của mình để thanh toán. Bạn cho biết, khi hoàn thành hạch toán nghiệp vụ trên thì nguồn vốn của ngân hàng sẽ:

- a. Tăng lên
- b. Giảm xuống
- c. Không đổi

34. Công ty B được ngân hàng cho vay 600 triệu VND để thanh toán tiền mua NVL cho đối tác của công ty là công ty D có tài khoản tại cùng ngân hàng. Bạn cho biết, khi kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên thì sự biến động của bảng cân đối kế toán sẽ như thế nào?

- a. Nguồn vốn tăng, tài sản tăng
- b. Nguồn vốn tăng, tài sản giảm
- c. Nguồn vốn và tài sản không đổi

35. Người thụ hưởng là người cầm Séc mà tờ séc đó

- a. Có ghi tên người được trả tiền là chính mình
- b. Không ghi tên người được trả tiền hoặc ghi cụm từ “trả cho người cầm séc”
- c. Đã chuyển nhượng bằng ký hậu cho mình thông qua dãy chữ ký chuyển nhượng liên tục.
- d. Tất cả các phương án trên.

36. Công ty A vay tiền của ngân hàng đến ngày trả lãi, công ty A phải trả 50tr VND nhưng trên tài khoản của công ty chỉ có 30tr. Thanh toán viên hạch toán thu 30tr, phần còn lại cho vào lãi tiền vay khách hàng chưa trả. Hai bút toán này lần lượt là:

- a. Ngoại bảng
- b. Nội bảng
- c. Một nội bảng và một ngoại bảng
- d. Không có câu nào đúng

37. Nghĩa vụ thanh toán Séc chuyển khoản thuộc về

- a. Khách hàng phát hành séc
- b. Ngân hàng nơi người phát hành séc mở tài khoản
- c. Cả A và B
- d. Không có câu nào đúng

38. Khi công ty trả lãi cổ tức, bảng cân đối kế toán sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

- a. Tài sản có và vốn chủ sở hữu không thay đổi
- b. Tài sản có giảm và vốn chủ sở hữu tăng
- c. Tài sản có và tài sản nợ giảm
- d. Tài sản có và vốn chủ sở hữu giảm

39. Giá trị trên bảng cân đối kế toán thường dựa trên:

- a. Giá trị hiện tại
- b. Chi phí lịch sử
- c. Giá thị trường
- d. Khả năng sinh lợi

40. Hiện tượng lãi suất âm xảy ra:

- a. Lãi suất danh nghĩa  $>$  tỷ lệ lạm phát
- b. Lãi suất danh nghĩa  $=$  tỷ lệ lạm phát
- c. Lãi suất danh nghĩa  $<$  tỷ lệ lạm phát
- d. Lãi suất danh nghĩa  $<$  tỷ lệ lạm phát

41. ROA (Return on Asset) là một trong các chỉ số quan trọng nhất đánh giá hiệu quả thu nhập của doanh nghiệp. Theo bạn ROA cho ta thông tin nào quan trọng nhất: (ROA-tỷ suất lợi nhuận = lợi nhuận ròng/tổng tài sản)

- a. Tình trạng thanh khoản của doanh nghiệp
- b. Tỷ lệ thu nhập của doanh nghiệp
- c. Khả năng quản lý tài chính của doanh nghiệp
- d. Hiệu suất, hiệu quả và trình độ quản lý tài sản có của doanh nghiệp

42. Nội dung nào dưới đây diễn tả đúng vai trò của các định chế tài chính trung gian

- a. Các định chế tài chính giúp giảm các chi phí giao dịch tài chính
- b. Các định chế tài chính giúp các nhà đầu tư đa dạng hóa đầu tư
- c. Các định chế tài chính giúp luân chuyển vốn đầu tư sang các tổ chức cần vốn đầu tư
- d. Tất cả các nội dung trên đều đúng

43. Lãi suất tăng sẽ ..... chi phí huy động vốn và .... thu nhập từ các tài sản tài chính của ngân hàng

- a. tăng - giảm
- b. tăng – tăng
- c. giảm – giảm
- d. giảm – tăng

44. Việc NHNN Việt Nam phát hành tiền xu và tiền Polymer là dấu hiệu của:

- a. Tăng cung tiền cho hệ thống ngân hàng thương mại
- b. Thâm hụt cán cân thanh toán
- c. Thay đổi cơ cấu tiền mặt trong lưu thông
- d. Lạm phát

45. Nguồn vốn chủ sở hữu

- a. Là số vốn của các chủ sở hữu của doanh nghiệp không phải cam kết thanh toán
- b. Là số vốn của chủ doanh nghiệp và các nhà đầu tư góp vốn hoặc hình thành từ kết quả sản xuất kinh doanh. Do đó nguồn vốn chủ sở hữu không phải là một khoản nợ
- c. Là số vốn thực có trong quá trình sản xuất kinh doanh của DN
- d. Không có câu nào đúng

46. Ngân hàng mua USD, bán DEM cho khách hàng, để tránh rủi ro, về tỷ giá, ngân hàng phải:

- a. Mua USD, bán DEM trên thị trường
- b. Mua DEM, bán USD trên thị trường
- c. Giữ nguyên trạng thái
- d. Yêu cầu một ngân hàng khác bảo lãnh

47. Các công ty mua hoặc bán hợp đồng kỳ hạn là để:

- a. Huy động vốn cho hoạt động kinh doanh
- b. Đầu cơ
- c. Tự bảo hiểm
- d. Các câu trên đều đúng

48. Nếu tỷ lệ lạm phát ở Mỹ cao hơn ở VN thì khi những điều kiện khác không thay đổi, đồng tiền Việt Nam sẽ:

- a. Tăng giá so với USD
- b. Giảm giá so với USD
- c. Không thay đổi so với USD
- d. Tăng giá so với USD và các loại ngoại tệ mạnh khác
- e. Giảm giá so với USD và các loại ngoại tệ mạnh khác

49. Một thư tín dụng chuyển nhượng có thể được chuyển nhượng

- a. Một lần
- b. Hai lần
- c. Ba lần
- d. Nhiều lần

50. L/C ghi ngày phát hành sau ngày on board không được chấp thuận đúng hay sai?

- a. Đúng vì theo điều 23 UCP200
- b. Sai
- c. Đúng vì L/C không có quy định cụ thể
- d. Chưa xác định được

51. Thư tín dụng L/C là

- a. Cam kết của người mua và trả cho người bán khi nhận được hàng hoá đúng trên hợp đồng đã ký
- b. Cam kết của ngân hàng thông báo sẽ trả tiền cho người bán khi nhận được bộ chứng từ hoàn toàn phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C
- c. Cam kết của ngân hàng thông báo sẽ trả tiền cho người bán trên cơ sở chấp thuận của người mua trong trường hợp chứng từ không hoàn toàn phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C
- d. Cả b và c
- e. Không có câu nào đúng

### **Đáp án:**

1. c << Dòng tiền của dự án không thay đổi.

Dòng tiền dự án = Dòng tiền thu - Dòng tiền chi. Trong đó:

Dòng tiền hoạt động thuần (NCF):  $NCF = \Delta OEAT + \Delta Dep - \Delta NWC$

OEAT: Lợi nhuận sau thuế

$\Delta Dep$ : Khấu hao TSCĐ

NWC: Tài sản luân chuyển ròng

Khấu hao tính trong Tổng vốn đầu tư ban đầu, sau đó sẽ được phân chia đều trong từng kỳ của dự án. Do vậy không tác động đến sự thay đổi của Dòng tiền cả dự án

2. c << Tổng dòng thu bằng tiền trừ đi tổng dòng chi bằng tiền nhưng bao gồm trả nợ gốc và lãi ngân hàng

3. c << Dự án có khả năng trả nợ ngân hàng và IR của chủ đầu tư cao hơn lãi suất cho vay

4. a << Tỷ lệ chiết khấu dòng tiền các năm về hiện tại mà tại đó NPV = 0

5. e << Kỳ phiếu kho bạc ngắn hạn

6. b << Luồng vốn ra nước ngoài tăng lên

7. a << Vì LS danh nghĩa + Tỷ lệ lạm phát = LS thực

8. c << Bảng Tổng kết tài sản là một "bản báo cáo về khả năng tài chính" của một công ty, nêu ra những gì mà công ty này có và "từ nguồn vốn nào" vào ngày giờ sau chót của năm kế toán và đây là một ngày xác định

9. a << Dùng để bổ sung Vốn lưu động

10. Đáp án là b. Vì: Nguồn trả nợ của khoản vay trung dài hạn đó là:

- Lợi nhuận sau thuế tạo ra từ việc thực hiện dự án
- Khấu hao bằng tài sản hình thành từ vốn của ngân hàng
- Nguồn trả nợ khác.

11. b << Phát hành kỳ phiếu

12. c << Cơ cấu lại nợ

13. a << Thời hạn cho vay được tính là khoảng thời gian được tính từ khi khách hàng bắt đầu nhận tiền vay cho đến thời điểm khách hàng hoàn trả hết nợ gốc và lãi vay đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng

14. d << Tất cả các ý trên

15. e << Tất cả các điều kiện trên

16. a << Khi ký kết hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh

17. d << Tất cả các ý trên

Theo thông lệ Hàng hải Quốc tế (công ước Brussels 1924, điều 1 khoản b) và Bộ luật Hàng hải Việt nam (điều 81 khoản 3) thì vận đơn là cơ sở pháp lý điều chỉnh quan hệ giữa người nhận hàng và người chuyên chở. Theo Điều 81 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam, vận đơn B/L có 3 chức năng sau:

- Thứ nhất, vận đơn là “bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận lên tàu số hàng hoá với số lượng, chủng loại, tình trạng như ghi rõ trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng”. Thực hiện chức năng này, vận đơn là biên lai nhận hàng của người chuyên chở cấp cho người xếp hàng. Tuy nhiên, B/L không phải là một hợp đồng vận tải vì chúng chỉ có một bên (người vận chuyển) ký .

- Thứ hai, “vận đơn gốc là chứng từ có giá trị, dùng để định đoạt và nhận hàng” hay nói đơn giản hơn vận đơn là chứng từ xác nhận quyền sở hữu hàng hoá ( Document of title) ghi trong vận đơn. Vì vậy, vận đơn có thể mua bán, chuyển nhượng được. Chính vì chức năng đặc biệt này mà việc thay thế B/L bằng thủ tục EDI là việc rất khó khăn hiện nay.

- Thứ ba, vận đơn đường biển là bằng chứng xác nhận hợp đồng chuyên chở hàng hoá bằng đường biển đã được ký kết.

B/L được lập thành một số bản gốc, thường là ba (03), gọi là “Bộ vận đơn gốc” và giao cho người gửi hàng. Trên các bản gốc, người ta in hoặc đóng dấu các chữ "Original". Chỉ có bản gốc (original) B/L, loại vận đơn đã xếp hàng lên phươ

tiện vận chuyển (shipped), mới có chức năng nhận hàng tại cảng đến. Nếu một bản chính đã được người nhập khẩu dùng để nhận hàng, các bản chính khác tự động hết giá trị.

Ngoài “Bộ vận đơn gốc”, người vận chuyển có thể phát hành một số bản sao theo yêu cầu của người gửi hàng, trên đó ghi chữ "Copy" và “Non-Negotiable”. Các bản “Copy” này là “Bản chính” (khác với bản gốc), không có giá trị pháp lý như bản gốc, không chuyển nhượng được, chúng chỉ dùng trong các trường hợp: thông báo giao hàng, kiểm tra hàng hóa, thống kê hải quan .v.v . .

#### 18. b << CIF (Cost/ Insurance / Freight)

Bên bán hàng theo các điều kiện giá CIF cần phải có bảo hiểm đơn có thể chuyển nhượng được để bảo chứng (tiền đảm bảo) cho các rủi ro trong quá trình vận chuyển từ các nhà bảo hiểm

#### 19. c << Vận đơn hàng không ko thể chuyển nhượng được

##### 1) Phương thức thuê tàu chợ (liner charter)

Tàu chợ là tàu chạy thường xuyên trên một tuyến đường nhất định, ghé qua những cảng nhất định theo một lịch trình định trước.

Tàu chợ hoạt động trên tuyến đường nhất định nên người ta còn gọi là tàu định tuyến. Lịch chạy tàu thường được các hãng tàu công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng để phục vụ khách hàng.

##### Đặc điểm tàu chợ

Căn cứ vào hoạt động của tàu chợ, chúng ta có thể rút ra những đặc điểm cơ bản của tàu chợ như sau:

- \* Tàu chợ thường chở hàng bách hoá có khối lượng nhỏ.
- \* Cấu tạo của tàu chợ phức tạp hơn các loại tàu khác
- \* Điều kiện chuyên chở do các hãng tàu quy định và in sẵn trên vận đơn đường

biển để phát hành cho người gửi hàng.

## Phương thức thuê tàu chợ

Thuê tàu chợ hay người ta còn gọi là lưu cước tàu chợ (liner booking note).

Thuê tàu chợ là chủ hàng (shipper) trực tiếp hay thông qua người môi giới (broker) yêu cầu chủ tàu (ship owner) giành cho mình thuê một phần chiếc tàu để chuyên chở hàng hoá từ cảng này đến cảng khác.

Mối quan hệ giữa người thuê với người cho thuê trong phương thức thuê tàu chợ được điều chỉnh bằng một chứng từ được gọi là vận đơn đường biển.

=> Hợp đồng thuê tàu chợ có thể mua bán, chuyển nhượng được

## 2) Phương thức thuê tàu chuyến (voyage charter)

Hợp đồng thuê tàu chuyến là một dạng của hợp đồng thuê tàu, chúng ta có thể đưa ra khái niệm về hợp đồng thuê tàu chuyến như sau:

Hợp đồng thuê tàu chuyến là hợp đồng chuyên chở hàng hoá bằng đường biển, trong đó người chuyên chở cam kết sẽ chuyên chở hàng hoá từ một hay một số cảng này đến một hay một số cảng khác giao cho người nhận còn người thuê tàu cam kết sẽ thanh toán cước phí theo đúng như thoả thuận của hợp đồng.

Người chuyên chở (carrier) trong hợp đồng thuê tàu chuyến có thể là chủ tàu (ship-owner) nhưng cũng có thể không phải là chủ tàu mà chỉ là người thuê tàu của người khác để kinh doanh lấy cước.

Còn người thuê tàu để chuyên chở hàng hoá có thể là người xuất khẩu và cũng có thể là người nhập khẩu theo điều kiện và cơ sở giao hàng được áp dụng trong hợp đồng mua bán ngoại thương.

Song trên thực tế người thuê tàu và người cho thuê tàu rất ít khi trực tiếp ký hợp đồng với nhau.

=> Hợp đồng thuê tàu chuyển có chế chuyển nhượng được.

### 3) Vận đơn hàng không (Airway bill)

AIRWAY BILL is a bill of lading and contract between the shipper and the airline for delivery of goods to a specified location, and sometimes with specified delivery date/time. Non-negotiable, but serves as receipt from the airline to prove that goods were received.

VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG Là vận đơn đồng thời là hợp đồng giữa bên gửi hàng và hãng hàng không về việc gửi hàng đến một địa điểm quy định, đôi khi có quy định cả ngày/giờ giao hàng. Tuy không thể dùng để giao dịch, vận đơn hàng không được coi là biên lai của hãng hàng không xác nhận việc đã nhận hàng hàng hoá để vận chuyển.

Vận đơn hàng không bao gồm một số chức năng như sau:

- + Là bằng chứng của một hợp đồng vận tải đã được ký kết giữa người chuyên chở và người gửi hàng
- + Là bằng chứng của việc người chuyên chở hàng không đã nhận hàng
- + Là giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường hàng không
- + Là chứng từ kê khai hải quan của hàng hoá
- + Là hướng dẫn cho nhân viên hàng không trong quá trình phục vụ chuyên chở hàng hoá

Không giống như vận tải đường biển, trong vận tải hàng không, người ta không sử dụng vận đơn có thể giao dịch được (như Airway bill này nè !), hay nói cách khác vận đơn hàng không không phải là chứng từ sở hữu hàng hoá như vận đơn đường biển thông thường.

Nguyên nhân của điều này là do tốc độ vận tải hàng không rất cao, hành trình của máy bay thường kết thúc và hàng hoá được giao ngay ở nơi đến một khoảng thời gian dài trước khi có thể gửi chứng từ hàng không từ người xuất khẩu qua ngân hàng của họ tới ngân hàng của người xuất khẩu để rồi ngân hàng của người nhập

khẩu gửi cho người nhập khẩu.

Vì những lý do trên mà vận đơn hàng không thường không có chức năng sở hữu hàng hoá.

Vận đơn hàng không có thể do hãng hàng không phát hành, cũng có thể do người khác không phải do hãng hàng không ban hành.

=> Vận đơn hàng không (Airway bill) không ghi đích danh chủ sở hữu hàng hóa  
=> Không thể chuyển nhượng được

## THÔNG TIN THÊM VỀ VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG

Căn cứ vào người phát hành, vận đơn được chia làm hai loại:

- Vận đơn của hãng hàng không (Airline airway bill):

Vận đơn này do hãng hàng không phát hành, trên vận đơn có ghi biểu tượng và mã nhận dạng của người chuyên chở (issuing carrier identification).

- Vận đơn trung lập (Neutral airway bill):

Loại vận đơn này do người khác chứ không phải do người chuyên chở phát hành, trên vận đơn không có biểu tượng và mã nhận dạng của người chuyên chở. Vận đơn này thường do đại lý của người chuyên chở hay người giao nhận phát hành.

Căn cứ vào việc gom hàng, vận đơn được chia làm hai loại:

- Vận đơn chủ (Master Airway bill-MAWB)

Là vận đơn do người chuyên chở hàng không cấp cho người gom hàng có vận đơn nhận hàng ở sân bay đích. Vận đơn này dùng để điều chỉnh mối quan hệ giữa người chuyên chở hàng không và người gom hàng và làm chứng từ giao nhận hàng giữa người chuyên chở và người gom hàng.

- Vận đơn của người gom hàng (House airway bill-HAWB)

Là vận đơn do người gom hàng cấp cho các chủ hàng lẻ khi nhận hàng từ họ để các chủ hàng lẻ có vận đơn đi nhận hàng ở nơi đến. Vận đơn này dùng để điều chỉnh

mối quan hệ giữa người gom hàng và các chủ hàng lẻ và dùng để nhận hàng hoá giữa người gom hàng với các chủ hàng lẻ.

Nhìn chung, chúng ta có thể hình dung quá trình gom hàng trong lĩnh vực hàng không như sau:

Tại sân bay đích, người gom hàng dùng vận đơn chủ để nhận hàng từ người chuyên chở hàng không, sau đó chia lẻ hàng, giao cho từng người chủ hàng lẻ và thu hồi vận đơn gom hàng mà chính mình phát hành khi nhận hàng ở đầu đi.

Nội dung của vận đơn hàng không

Vận đơn hàng không được in theo mẫu tiêu chuẩn của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IATA (IATA standard form). Một bộ vận đơn bao gồm nhiều bản, trong đó bao gồm 3 bản gốc (các bản chính) và các bản phụ.

Mỗi bản vận đơn bao gồm 2 mặt, nội dung của mặt trước của các mặt vận đơn giống hệt nhau nếu không kể đến màu sắc và những ghi chú ở phía dưới khác nhau, ví dụ bản gốc số 1 thì ghi chú ở phía dưới là “bản gốc số 1 dành cho người chuyên chở phát hành vận đơn”, còn bản số 4 thì lại ghi là “bản số 4, dùng làm biên lai giao hàng”.

Mặt sau của bản vận đơn khác nhau, ở những bản phụ mặt sau để trống, ở các bản gốc là các quy định có liên quan đến vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không.

20. e << Cả Bảo lãnh NH & Thư TD dự phòng

Câu này, bạn Vespa có chọn là c. Nhưng mình nghĩ khác, cả 3 hình thức: L/C, L/C dự phòng & Bảo lãnh ngân hàng đều là những cam kết bảo đảm khả năng hợp đồng cho người phát hành L/C (bên mua hàng - bên nhập khẩu).

Nếu đáp án là c thì vẫn chưa là điều kiện đảm bảo tốt nhất ở đây. Nếu tó là Bên bán hàng (Bên xuất khẩu) sẽ chọn e - Là bên mua hàng có sự đảm bảo tốt nhất, vừa có bảo lãnh vừa có Cam kết thực hiện của NH => Gần như hợp đồng đó hoàn toàn

không có rủi ro.

1) Thư tín dụng (L/C) là một văn bản pháp lý được phát hành bởi một tổ chức tài chính (thông thường là ngân hàng), nhằm cung cấp một sự bảo đảm trả tiền cho một người thụ hưởng trên cơ sở người thụ hưởng phải đáp ứng các điều khoản trong tín dụng thư.

2) Bảo lãnh ngân hàng là một công cụ mà các nhà kinh doanh thường sử dụng để tăng cường sự bảo đảm đối với nghĩa vụ trong các hợp đồng kinh tế, đặc biệt là trong bối cảnh môi trường kinh doanh có rủi ro cao như hiện nay.

Người yêu cầu ngân hàng phát hành thư bảo lãnh phải ký hợp đồng với ngân hàng, trong đó nêu quyền và nghĩa vụ của bên yêu cầu và của ngân hàng đối với khả năng buộc phải thanh toán một kim ngạch nào đó theo thư bảo lãnh. Trong trường hợp người được bảo lãnh không trả được nợ hay thậm chí không muốn trả nợ thì ngân hàng buộc phải thanh toán số tiền đã bảo lãnh.

3) Thư tín dụng dự phòng (Standby Letter of Credit): Là cam kết của một ngân hàng với Bên thụ hưởng Thư tín dụng dự phòng về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng của ngân hàng đó trong trường hợp khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn.

## 21. a << Tăng xuất khẩu

Phá giá đồng nội tệ là việc làm giảm giá trị của đồng nội tệ so với các loại ngoại tệ so với mức mà chính phủ đã cam kết duy trì trong chế độ tỷ giá hối đoái cố định. (Phá giá VND nghĩa là giảm giá trị của nó so với các ngoại tệ khác như USD, EUR... )

Sử dụng biện pháp phá giá tiền tệ có thể nâng cao năng lực cạnh tranh một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn so với cơ chế để nền kinh tế tự điều chỉnh theo hướng suy thoái. Điều này kích thích các DN trong nước tăng cường xuất khẩu ra nước ngoài để thu về ngoại tệ.

## 22. a << FOB

Free On Board (FOB) hay còn có nghĩa là miễn trách nhiệm trên Boong tàu nơi đi. (Bên bán hàng chỉ chịu rủi ro và chi phí đem hàng đến cảng, trước khi hàng hóa xếp lên tàu)

=> Bên mua hàng phải chịu toàn bộ các rủi ro diễn ra khi hàng hóa vượt qua lan can tàu tại cảng xếp hàng.

### 23. c << Thời gian ân hạn

Thời gian ân hạn là thời gian mà bên cho vay hỗ trợ bên đi vay bằng hình thức: Không phải trả nợ gốc, không phải trả lãi ... Thời gian này cụ thể do 02 bên đàm phán với nhau, và căn cứ vào tình hình thực tế của dự án.

- Đối với cho vay 1 dự án, thời gian ân hạn thông thường ít nhất phải bằng thời gian đầu tư xây dựng, lúc đó DN mới ra được sản phẩm bán hàng và có tiền trả nợ cho Ngân hàng.

Vấn đề vốn gốc và lãi phải trả trong thời gian ân hạn có phải trả hay không đôi khi tùy thuộc vào cam kết trong "Hợp đồng tín dụng". Có các trường hợp sau:

+ Vấn đề vốn gốc thì bạn không phải trả trong thời hạn ân hạn, nhưng vốn gốc sẽ được chia đều cho những kỳ hạn còn lại. Tiền lãi tùy theo có được ân hạn hay không.

+ Nếu gốc và lãi đều được ân hạn thì số tiền lãi phát sinh trong các kỳ hạn được ân hạn sẽ được cộng dồn để trả 01 lần vào kỳ hạn trả nợ đầu tiên.

+ Nếu tiền lãi không được ân hạn thì bạn phải trả lãi theo các kỳ đã được tính và xác định trong hợp đồng tín dụng.

### THÔNG TIN THÊM:

Thời gian ân hạn theo nghĩa từ điển tài chính kinh tế là: khoảng thời gian bổ sung mà bên cho vay cho phép bên vay trả nợ mà không bị phạt (Nếu vượt quá thời gian

này sẽ bị phạt)

Grace period : The additional period of time a lender or insurance policy issuer provides for a borrower to make payment on a debt without penalty.

24. d << Sổ tiết kiệm do chính NH cho vay phát hành

Trong câu này, mình chọn đáp án d vì: Ngân hàng luôn ưa thích Tài sản đảm bảo là tài sản có tính thanh khoản cao nhất, dễ kiểm soát tình hình dư nợ

25. f << a và d

Ngân hàng sẽ quyết định cho vay 1 khách hàng dựa trên nhiều yếu tố, trong đó có 2 yếu tố chính:

Tính khả thi và hiệu quả của khoản vay  
Tình hình tài chính lành mạnh

26. c << Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản có

27. b << 15% vốn tự có của của tổ chức tín dụng cho vay (Mục I Điều 128 của Dự thảo Luật Các TCTD)

28. c <<  $NPV > 0$

29. a << Giảm độ rủi ro của tập hợp các tài sản đầu tư

30. g << a & d.

Ngân hàng phát hành L/C (Issuing bank) có 2 chức năng là thông báo mở L/C & kiểm tra tính hợp lệ của bộ chứng từ (The correctness of document)

31. a << Nguồn vốn của ngân hàng.

32. ( Ko thuộc chuyên ngành kế toán ngân hàng, trả lời mấy câu này khó quá trời)

33. c << Không đổi

34.

35. d << Tất cả các phương án trên

36.

37. b << Ngân hàng nơi người phát hành séc mở tài khoản

Séc chuyển khoản là loại séc mà người ký phát séc ra lệnh cho ngân hàng trích tiền từ tài khoản của mình để chuyển trả sang một tài khoản khác của một người khác trong hoặc khác ngân hàng. Séc chuyển khoản không thể chuyển nhượng được và không thể lĩnh tiền mặt được.

38. d << Tài sản có và vốn chủ sở hữu giảm

39. a << Giá trị hiện tại

40. c << Lãi suất danh nghĩa < tỷ lệ lạm phát

Điển hình là vào tháng 2 năm 2008, khi lãi suất trần cho vay chỉ là 11% thì tỷ lệ lạm phát là 15%. Như vậy lãi suất thực âm 4%/năm

41. d << Hiệu suất, hiệu quả và trình độ quản lý tài sản có của doanh nghiệp

42. d << Tất cả các nội dung trên đều đúng

43. a << tăng - giảm.

Lãi suất và chi phí huy động vốn tăng >> Giảm thu nhập từ các tài sản tài chính của NH

44. a << Tăng cung tiền cho hệ thống ngân hàng thương mại

45. b << Là số vốn của chủ doanh nghiệp và các nhà đầu tư góp vốn hoặc hình thành từ kết quả sản xuất kinh doanh. Do đó nguồn vốn chủ sở hữu không phải là một khoản nợ

Trong bảng Cân đối kế toán, bên TS Nợ gồm: I - Nợ & Các khoản phải trả ; II - Nguồn vốn chủ sở hữu => nó ko là các khoản nợ

46. b << Mua DEM, bán USD trên thị trường

47. d << Các câu trên đều đúng

48. b << Giảm giá so với USD

49. a << Một lần

50. d << Chưa xác định được

Điều 23 UCP 600: "Ngày phát hành Airway bill là ngày giao hàng trừ khi chứng từ vận tải hàng không có ghi ngày giao hàng thực tế. trong trường hợp này ngày ghi trong ghi chú đó được coi là ngày giao hàng thực tế."

51. a << Cam kết của người mua và trả cho người bán khi nhận được hàng hoá đúng trên hợp đồng đã ký